

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2630** /UBND-TH

Quảng Bình, ngày **20** tháng 12 năm 2023

V/v: Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2022 được kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2023 và KH năm 2023

Kính gửi:

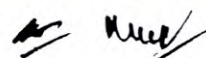
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các chủ đầu tư.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, từ đầu năm đến nay, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các sở, ngành địa phương và các chủ đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023, đặc biệt là đôn đốc tiến độ giải ngân các dự án có nguồn vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 và các dự án chỉ được phép giải ngân đến 31/12/2023, tuy nhiên tiến độ giải ngân vẫn rất chậm, theo báo cáo của KBNN tỉnh, tỷ lệ giải ngân vốn kéo dài 11 tháng đầu năm 2023 đạt 57%. Đặc biệt, một số dự án có số vốn kéo dài khá lớn chưa thực hiện giải ngân hoặc giải ngân thấp¹, nhiều dự án đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 với số vốn khá lớn nhưng không giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023². *(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).*
Thời gian giải ngân các nguồn vốn này còn lại rất ít (chỉ còn khoảng đến nửa tháng), để đảm bảo giải ngân hết số vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 và các nguồn vốn chỉ được phép giải ngân đến 31/12/2023, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư khẩn trương tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Các chủ đầu tư chỉ đạo nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán và giải ngân các dự án chỉ được phép giải ngân đến 31/12/2023, bao gồm các nguồn: (1). Nguồn ngân sách địa phương năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 *(tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 14/4/2023; Quyết định số*

¹ Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2); Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1); Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp; Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2); Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên Hóa; Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy; Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró.

² Dự án Đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp trung tâm và các trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế Thị xã Ba Đồn; Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa; Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan, môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró; Đầu tư hệ thống trung tâm tiêu chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm; Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8).



3326/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh); (2). Nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 (tại Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh); (3). Nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương năm 2022 bố trí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 và các dự án vùng thiên tai cấp bách (tại Quyết định 207/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh).

Riêng đối với nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình phục hồi): Hiện nay, Quốc hội đã cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết số 110/2023/QH15, tuy nhiên đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách Trung ương không thuộc Chương trình phục hồi **được nhân** bổ sung vốn từ Chương trình phục hồi nếu không giải ngân hết kế hoạch vốn bổ sung sẽ không được xem xét kéo dài theo quy định và sẽ bị hủy dự toán. Vì vậy, đối với các dự án sử dụng nguồn kế hoạch đầu tư công NSTW năm 2023 có nhận bổ sung vốn từ Chương trình phục hồi (tại các Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 và Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh), các chủ đầu tư ưu tiên giải ngân số vốn bổ sung từ Chương trình phục hồi trước sau đó mới giải ngân các nguồn vốn khác bố trí cho dự án.

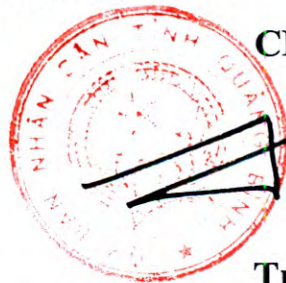
2. Đối với Kho bạc Nhà nước tỉnh: Khi tiếp nhận hồ sơ thanh toán của chủ đầu tư, chủ động hướng dẫn các chủ đầu tư giải ngân theo hướng giải ngân các nguồn vốn chỉ được phép giải ngân đến 31/12/2023 trước, sau đó mới giải ngân Kế hoạch vốn năm 2023 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2434/UBND-TH ngày 24/11/2023.

Đề nghị các đồng chí Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy đề cao trách nhiệm, tập trung chỉ đạo để phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Phòng TC-KH các huyện, TX, TP;
- BQLDA các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, TH, TDNV.



CHỦ TỊCH

Trần Thắng

PHỤ LỤC

DANH MỤC DỰ ÁN CHỈ ĐƯỢC THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2023

(Kèm theo Công văn số 2630 /UBND-TH ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư	
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				7.841.378,670	2.286.393,670	953.921,163	465.723,683	48,8	
A	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023				4.335.939,670	2.227.393,670	460.496,163	211.585,733	45,9	Không bao gồm kéo dài NS cấp huyện, xã
AI	Tại Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 4655/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh				3.226.304,670	1.137.848,670	379.461,711	182.100,905	48,0	
I	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				160.149	60.049	17.427,100	9.036	51,9	
1	Đường từ Quốc lộ 1 A đến nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2015-2022	3154/QĐ-UBND ngày 31/10/2021; 3435/QĐ-UBND ngày 27/11/2014; 250/QĐ-UBND ngày 29/01/2015; 2385/QĐ-UBND ngày 13/07/2020	110.149	10.049	10.049	8.902	88,6	BCH Quân sự tỉnh
	CÔNG NGHIỆP									
1	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2024	2551/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	25.000	25.000	93,326			Sở Công thương
	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH									
1	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	2241/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	25.000	25.000	7.284,774	134	1,8	Đài PT&TH Quảng Bình
II	NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT				3.044.752,670	1.056.396,670	360.642,010	173.065		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư	
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó:Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
1	Tuyến đường nối từ phía nam hồ Bàu Mây kết nối với tuyến đường liên xã Quảng Phương	Quảng Trạch	2020-2022	4717/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	15.000	15.000	3.670,207	135	3,7	UBND huyện Quảng Trạch
ĐỐI ỨNG ODA										
1	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới	Thành phố Đồng Hới	2017-2024	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 1749/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	177.769	96.413	5.207,000	226,000	4,3	UBND tỉnh (Ban QLDA Môi trường và ĐKKH TP Đồng Hới)
3	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình, tỉnh Quảng Bình.	Tỉnh Quảng Bình	2021-2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	2.665,000	2.111,000	79,2	Ban QLDA SRDP tỉnh Quảng Bình
BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM										
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022-2025	3738/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 5226/QDD-UBND ngày 31/12/2021	300.000	300.000	59.054,134	89,0	0,2	Sở Y tế
2	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021; 1807/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh	2.197.000	500.000	240.502,505	134.452,5	55,9	Sở Giao thông Vận tải
VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI										
1	Dự án Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình (hỗ trợ GPMB)	Đồng Hới	2022-2025	41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	240.000	30.000	29.164,260	22.655,000	77,7	Sở Văn hóa Thể thao
2	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2159/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	20.000	20.000	2.057,024	1.216,400	59,1	Sở Văn hóa Thể thao
3	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023-2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	8.000	8.000	2.400,000	2.302,000	95,9	Nhà Thiếu nhi Quảng Bình

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư	
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH										
1	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	2023-2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	22.000	22.000	6.600,000	1.642,000	24,9	Công an tỉnh Quảng Bình
2	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Lệ Thủy	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	4.800	4.661	97,1	BCH Quân sự tỉnh
3	Doanh trại Trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3414/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	14.954	14.954	3.779,693	2.911	77,0	BCH Quân sự tỉnh
4	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3226/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	20.000	20.000	742,187	664,000	89,5	BCH Quân sự tỉnh
III NGUỒN XỔ SỐ KIẾN THIẾT					21.403,000	21.403,000	1.392,601			
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022-2024	1467/QĐ-UBND ngày 6/6/2022	6.926	6.926	166,411			Trường THPT Phan Bội Châu
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2022-2024	1960/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	7.477	7.477	602,904			Trường THPT Trần Hưng Đạo
3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022-2024	4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	623,286			Trường THPT Lê Trực
A2	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 10/06/2022 của UBND tỉnh				872.426,000	852.426,000	44.542,192	13.917,828		
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG				29.000,000	29.000,000	2.683,793	144,000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư	
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
1	Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đồng Hới	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 4295/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	10.000	10.000	2.087,022			Đảng ủy Khối Doanh nghiệp
2	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân - Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; QĐ số 1746/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	7.000	7.000	290,915	144	49,5	Hội Nông dân tỉnh
3	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Động Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	305,856			BQL Khu DTTN Động Châu - Khe nước trong
II	NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT				766.926	746.926	37.900,374	11.230,665	29,6	
1	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hoá, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngá, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bố Trạch, Minh Hóa	2022-2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	25.000	25.000	2.436,722	953,624	39,1	BQL Vườn Quốc Gia Phong nha Kê Bàng
2	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS và THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022-2024	4302/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.500	7.500	263,722	130,000	49,3	Trường THCS và THPT Trung Hóa
3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022-2024	1467/QĐ-UBND ngày 6/6/2022	6.926	6.926	402,254	357,000	88,7	Trường THPT Phan Bội Châu
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022-2024	4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	104,750			Trường THPT Lê Trực
	LĨNH VỰC Y TẾ									
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	1.000,000			Sở Y tế

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3855/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.000	6.000	78,702			Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa
3	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hoá	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	300,000			Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hoá
4	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	1.160,000			Trung tâm y tế huyện Tuyên hóa
5	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3894/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	22.000	22.000	238,515			Trung tâm y tế thị xã Ba Đồn
6	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	32.000	32.000	1.900,000			Trung tâm y tế huyện Lệ Thủy
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ										
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	1.500,000			Sở Văn hóa và Thể thao
2	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	500,000	150,000	30,0	UBND thị xã Ba Đồn
3	Đầu tư hệ thống trung tâm tiêu chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	200,000			Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Khoa học công nghệ	Đồng Hới	2022-2023	2936/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	7.000	7.000	578,038	329,488	57,0	Sở Khoa học công nghệ
LĨNH VỰC THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH VSMT										

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
1	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	585,400	136,000	23,2	UBND huyện Quảng Ninh
2	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3536/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	627,565	522,000	83,2	UBND huyện Minh Hóa
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI										
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Nấm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	920,000	420,000	45,7	UBND thị xã Ba Đồn
2	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3857/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	16.000	16.000	764,003	664,003	86,9	UBND huyện Quảng Trạch
3	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3788/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	462,892	121,566	26,3	UBND huyện Quảng Trạch
4	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 3797/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	29.000	29.000	1.797,030	597,030	33,2	UBND huyện Minh Hóa
5	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3318/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	37.000	37.000	2.224,152	224,152	10,1	UBND thị xã Ba Đồn
6	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	4.230,722	230,722	5,5	UBND thị xã Ba Đồn
7	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	1.091,551	890,569	81,6	UBND huyện Quảng Trạch

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
8	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3268/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	23.000	23.000	5.019,559	1.019,559	20,3	UBND huyện Quảng Ninh
HẠ TẦNG KỸ THUẬT										
1	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3636/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	28.000	28.000	4.457,100	2.278,116	51,1	UBND huyện Quảng Trạch
2	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	2.500,000	1.843,370	73,7	UBND huyện Quảng Ninh
LĨNH VỰC DU LỊCH										
1	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	45.000	25.000	500,000	305,769	61,2	UBND thị xã Ba Đồn
LĨNH VỰC KHÁC										
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	2.057,697	57,697	2,8	BQL Khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong
III	NGUỒN XÓ SỐ KIẾN THIẾT				76.500	76.500	3.958,025	2.543,163	64,3	
1	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	1.045,419	461,331	44,1	Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy
2	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3737/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.500	15.500	2.706,392	1.994,000	73,7	Trung tâm y tế huyện Bố Trạch
3	Nhà điều trị và hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020-2022	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	11.000	11.000	206,214	87,832	42,6	Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư	
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
A3	Nghị quyết 81/NQ-HĐND ngày 09/09/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 26/9/2022				233.748	233.748	22.825,424	9.646,000	42,3	
I	NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT				233.748	233.748	22.825,424	9.646,000	42,3	
1	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017-2024	3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017; 93/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	176.748	176.748	14.812,578	5.032,000	34,0	UBND tỉnh (BQLDA Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới)
2	Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu	Quảng Ninh	2017-2024	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 408/QĐ-UBND ngày 13/02/2017; 1142/QĐ-UBND ngày 10/4/2018; 861/QĐ-UBND ngày 23/03/2021; 41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1171/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	57.000	57.000	8.012,846	4.614,000	57,6	BQL khu Kinh tế
A5	Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh về bố trí công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ xây dựng cơ bản				3.461	3.371	16,836			
1	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2019-2021	2999/QĐ-UBND này 08/6/2019	3.461	3.371	16,836			Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy
A6	Nghị quyết 96/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						13.650	5.921	43,4	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						13.650	5.921	43,4	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
1	Đường GTNT nội vùng, nội đồng thôn Tân Lý và thôn Lạc Thiện xã Minh Hóa	Minh Hóa	2022-2024				2.270	1.258	55,4	UBND xã Minh Hóa
2	Kiên cố hóa các tuyến đường giao thông thôn Tân Thượng xã Quảng Hải	Ba Đồn	2022-2024				2.270			UBND xã Quảng Hải
3	Đường GTNT theo tiêu chí nông thôn mới xã Hưng Trạch	Bố Trạch	2022-2024				2.270	333	14,7	UBND xã Hưng Trạch
4	Các tuyến đường giao thông nông thôn xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2022-2024				2.270	1.369	60,3	UBND xã Thạch Hóa
5	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Tiên Tiến xã Quảng Châu	Quảng Trạch	2022-2024				2.270	1.661	73,2	UBND xã Quảng Châu
6	Nâng cấp mở rộng đường vào bản Lâm Ninh và bản Khe Ngang, xã Trường Xuân	Quảng Ninh	2022-2024				2.300	1.300	56,5	UBND xã Trường Xuân
A7	Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh									
1	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023-2025	3619/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	9.000	9.000	700			Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
2	Kè biển xã Cảnh Dương	Quảng Trạch	2022-2024	Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	50.000	50.000	900			Sở Nông nghiệp và PTNT
B	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023					3.349.093		143.128	41.756	29,2
B1	Ngân sách Trung ương trong nước (bao gồm đối ứng ODA)					1.776.343		18.077	10.366	57,3
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn đập Khe Dồi, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa thuộc dự án Sửa chữa nâng cấp các hồ đập xung yếu tỉnh Quảng Bình	Minh Hóa	2022-2025	4625/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	85.000		8.085,00	2.150,00	26,6	UBND huyện Minh Hóa

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
2	Dự án thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn	Thị xã Ba Đồn	2016-2022	1392/QĐ-TTg ngày 09/8/2021; 3036/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	396.543		577			UBND huyện Quảng Trạch
3	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	TP Đồng Hới	2017-2022	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.294.800		9.415	8.216	87,3	BQL DA Môi trường và BDKH thành phố Đồng Hới
B2	Vốn nước ngoài				1.572.750		125.051	31.390	25,1	
1	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Tỉnh Quảng Bình	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015 1590/QĐ-TTg ngày 21/12/2022	277.950		1.051			Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	TP Đồng Hới	2017-2022	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.294.800		124.000	31.390	25,3	BQL DA Môi trường và BDKH thành phố Đồng Hới
C	NGUỒN VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA						243.697	144.369	59,2	
1	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	Các huyện					101.286	71.540	70,6	Các chủ đầu tư
2	CTMTQG giảm nghèo bền vững	Các huyện					11.525	8.753	75,9	Các chủ đầu tư
3	CTMTQG PT KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các huyện					130.886	64.076	49,0	Các chủ đầu tư
D	NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW NĂM 2022				97.346		105.000	68.013	64,8	
1	Xử lý khẩn cấp khắc phục các công trình cấp nước sạch trên địa bàn huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023		3.000		3.000	2.911	97,0	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn
2	Xử lý khẩn cấp khắc phục Hồ Bộ Đội	Bố Trạch	2023		3.000		3.000	2.315	77,2	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT
3	Xử lý khẩn cấp khắc phục Đập Đồng Thờ	Tuyên Hóa	2023		3.000		3.000	2.883	96,1	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT
4	Xử lý khẩn cấp khắc phục Đê bao vùng Lũng Tréo	Lệ Thủy	2023	912/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	8.000		12.654	11.840	93,6	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Số kế hoạch vốn chi được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023	Số vốn đã giải ngân đến 30/11/2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
5	Xử lý khẩn cấp khắc phục Đê bao thượng Mỹ Trung	Quảng Ninh, Lệ Thủy	2023	1093/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	12.000		12.000	9.333	77,8	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT
6	Xử lý khẩn cấp khắc phục Đê bao vùng II tá Kiến Giang	Lệ Thủy	2023	795/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	10.000		13.000	12.438	95,7	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT
7	Xử lý khẩn cấp khắc phục Kè tả sông Roòn đoạn từ thôn Hải Đông đến thôn Phú Xuân	Quảng Trạch	2023	922/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	11.000		11.000	8.501	77,3	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT
8	Xử lý khẩn cấp khắc phục Kè Quảng Tiên	Ba Đồn	2023	961/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	12.346		12.346	9.592	77,7	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT
9	Dự án di dân khẩn cấp vùng ngập lụt xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023		15.000		15.000	5.200	34,7	UBND huyện Minh Hóa
10	Dự án di dân khẩn cấp vùng sạt lở núi thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023		20.000		20.000	3.000	15,0	UBND huyện Quảng Trạch



DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

1. Các Sở, ban, ngành

- Sở Khoa học công nghệ
- TT kỹ thuật đo lường thử nghiệm
- Sở Y tế
- Sở GTVT
- BQL khu dự trữ thiên nhiên Động Châu- Khe Nước Trong
- Sở VHTT
- Sở Du lịch
- Sở Công thương
- Sở TTTT
- BQL KKT
- BQL Vườn QG PNKB
- Công an tỉnh
- BCH QS tỉnh
- Hội nông dân
- Đảng ủy khối DN
- Ban Dân tộc
- Đài PTTH QB
- BQLDA Môi trường và BDKH TP ĐH
- BQL DA SRDP QB.
- BQLDA ngành NN và PTNT

2. UBND các huyện, TX, TP.

3. Các trường THPT:

- Trường THPT Trần Hưng Đạo, Lệ Thủy
- Trường THPT Phan Bội Châu, Tuyên Hóa
- Trường THPT Lê Trực, Tuyên Hóa
- Trường THCS và THPT Trung Hóa, Minh Hóa

4. Bệnh viện, TTYT cấp huyện

- BV ĐK Tuyên Hóa; BV ĐK Lệ Thủy
- BV ĐK Bồ Trạch; BV ĐK TP Đồng Hới
- TT Y tế các huyện.